

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015¹
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg
ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)*

A. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CƠ CẤU LẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

I. MỤC TIÊU CƠ CẤU LẠI HỆ THỐNG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Cơ cấu lại căn bản, triệt để và toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng để đến năm 2020 phát triển được hệ thống các tổ chức tín dụng đa năng theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc với cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô, loại hình có khả năng cạnh tranh lớn hơn và dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, tập trung lành mạnh hóa tình trạng tài chính và củng cố năng lực hoạt động của các tổ chức tín dụng; cải thiện mức độ an toàn và hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng; nâng cao trật tự, kỷ cương và nguyên tắc thị trường trong hoạt động ngân hàng. Phấn đấu đến cuối năm 2015 hình thành được ít nhất 1- 2 ngân hàng thương mại có quy mô và trình độ tương đương với các ngân hàng trong khu vực.

II. QUAN ĐIỂM CƠ CẤU LẠI HỆ THỐNG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Thứ nhất, cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng và từng tổ chức tín dụng là một quá trình thường xuyên, liên tục nhằm khắc phục những khó khăn, yếu kém và chủ động đối phó với những thách thức để các tổ chức tín dụng không ngừng phát triển một cách an toàn, hiệu quả, vững chắc và đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Thứ hai, củng cố, phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng đa dạng về sở hữu, quy mô và loại hình phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Hệ thống các tổ chức tín dụng bao gồm các ngân hàng lớn, hoạt động lành mạnh đóng vai trò làm trụ cột trong hệ thống, có khả năng cạnh tranh trong khu vực, đồng thời có những ngân hàng vừa và nhỏ, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu

¹ Đề án không bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

cầu dịch vụ ngân hàng của mọi tầng lớp trong xã hội. Nâng cao vai trò, vị trí chi phối, dẫn dắt thị trường của các tổ chức tín dụng Việt Nam, đặc biệt là bảo đảm các ngân hàng 100% vốn của Nhà nước và ngân hàng có cổ phần chi phối của Nhà nước (sau đây gọi chung là ngân hàng thương mại nhà nước) thật sự là lực lượng chủ lực, chủ đạo của hệ thống các tổ chức tín dụng, đồng thời có đủ năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

Thứ ba, khuyến khích việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại các tổ chức tín dụng theo nguyên tắc tự nguyện, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và các quyền, nghĩa vụ kinh tế của các bên có liên quan theo quy định của pháp luật. Để bảo đảm an toàn, ổn định của hệ thống, một số tổ chức tín dụng có mức độ rủi ro, nguy cơ mất an toàn cao sẽ được áp dụng các biện pháp xử lý đặc biệt theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, thực hiện cơ cấu lại toàn diện về tài chính, hoạt động, quản trị của các tổ chức tín dụng theo các hình thức, biện pháp và lộ trình thích hợp. Hình thức và biện pháp cơ cấu lại tổ chức tín dụng được áp dụng phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng tổ chức tín dụng.

Thứ năm, không để xảy ra đổ vỡ và mất an toàn hoạt động ngân hàng ngoài tầm kiểm soát của Nhà nước. Quá trình chấn chỉnh, củng cố và cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng hạn chế tới mức thấp nhất tổn thất và chi phí của ngân sách nhà nước cho xử lý những vấn đề của hệ thống các tổ chức tín dụng.

B. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

I. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NHÀ NƯỚC

1. Định hướng

Nâng cao vai trò, vị trí chi phối của các ngân hàng thương mại nhà nước; bảo đảm các ngân hàng thương mại nhà nước thật sự là lực lượng chủ lực, chủ đạo của hệ thống các tổ chức tín dụng, có quy mô lớn, hoạt động an toàn, hiệu quả và có năng lực quản trị tiên tiến, khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế. Phấn đấu đến năm 2015 hình thành được 1 - 2 ngân hàng thương mại nhà nước đạt trình độ khu vực về quy mô, quản trị, công nghệ và khả năng cạnh tranh.

2. Giải pháp

Các ngân hàng thương mại nhà nước đóng vai trò quan trọng trong quá trình cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, đồng thời phải được cơ cấu lại toàn diện thông qua các giải pháp nêu tại Khoản 5 Mục II Phần B và các giải pháp cụ thể sau đây:

a) Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước, trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được thực hiện cổ phần hóa vào thời điểm thích hợp và bảo đảm Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối tại các ngân hàng thương mại nhà nước sau cổ phần hóa.

b) Tăng nhanh quy mô và năng lực tài chính thông qua:

- Tăng vốn để bảo đảm đủ mức vốn tự có theo tiêu chuẩn an toàn vốn của Basel II đến năm 2015 thông qua phát hành cổ phiếu bổ sung và nguồn vốn từ Chính phủ;

- Mua lại, sáp nhập tổ chức tín dụng;

- Mở rộng nguồn vốn huy động.

c) Nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng và giảm nợ xấu. Tập trung xử lý nợ xấu của các ngân hàng thương mại nhà nước để sớm làm sạch bảng cân đối của ngân hàng thương mại nhà nước; phấn đấu đạt tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng thương mại nhà nước dưới 3% theo tiêu chuẩn phân loại nợ và chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

d) Đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế tiên tiến, đặc biệt tăng cường hiện đại hóa hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ để các ngân hàng thương mại nhà nước có khả năng tự kiểm soát một cách có hiệu quả các loại rủi ro trong hoạt động, trước hết là chất lượng tín dụng và khả năng thanh khoản.

đ) Hiện đại hóa hệ thống công nghệ của các ngân hàng thương mại nhà nước để tạo điều kiện phát triển dịch vụ ngân hàng mới và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng, đồng thời hỗ trợ quản trị ngân hàng có hiệu quả.

e) Tiếp tục mở rộng mạng lưới chi nhánh, điểm giao dịch trong phạm vi cả nước, trong đó ưu tiên khu vực nông thôn; tích cực mở chi nhánh, gia nhập thị trường tài chính quốc tế và khu vực; phát triển mạnh các kênh phân phối điện tử để tăng khả năng tiếp cận dịch vụ của khách hàng.

g) Tiến hành rà soát, củng cố các hoạt động kinh doanh chính của các ngân hàng thương mại nhà nước, giảm các hoạt động kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro, không có hiệu quả; cơ cấu lại triệt để các công ty con của ngân hàng thương mại nhà nước; từng bước thoái vốn đầu tư vào những ngành, lĩnh vực phi tài chính hoặc lĩnh vực đầu tư nhiều rủi ro. Xây dựng chiến lược kinh doanh mới. Theo đó, ngân hàng thương mại nhà nước phải đi tiên phong đầu tư cho các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế như phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, thúc đẩy xuất khẩu, nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp sản xuất - chế biến, doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm góp phần cơ cấu lại nền kinh tế.

h) Đa dạng hóa các phương thức huy động vốn; kiểm soát tăng trưởng tín dụng phù hợp với nguồn vốn về quy mô và cơ cấu kỳ hạn; từng bước giảm tỷ lệ dư nợ tín dụng so với vốn huy động về mức không quá 90% đến năm 2015.

i) Phát triển nhanh đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành và nghiệp vụ có chất lượng cao, đồng thời có chính sách hợp lý để thu hút, sử dụng và quản lý có hiệu quả cán bộ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về kỹ năng lãnh đạo, chuyên môn nghiệp vụ và nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ.

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN, CÔNG TY TÀI CHÍNH, CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH CỦA VIỆT NAM

1. Định hướng

Chấn chỉnh, sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính của Việt Nam (sau đây viết tắt là TCTD tại Mục II Phần B này) để bảo đảm hoạt động an toàn, lành mạnh, hiệu quả, đúng pháp luật và cùng với các ngân hàng thương mại nhà nước giữ cho hệ thống các tổ chức tín dụng ổn định và phát triển vững chắc. Các TCTD phải cạnh tranh lành mạnh và hoạt động một cách công khai, minh bạch, đồng thời đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực về quản trị và an toàn hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật. Tạo điều kiện cho các TCTD lành mạnh phát triển và kiên quyết xử lý các TCTD yếu kém. Kiểm soát quy mô, tốc độ tăng trưởng và phạm vi hoạt động kinh doanh của TCTD phù hợp với điều kiện tài chính và năng lực quản trị.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng tài chính, hoạt động và quản trị, đặc biệt là chất lượng tài sản, công nợ, vốn tự có và mức độ an toàn của TCTD, các TCTD sẽ được phân loại thành 3 nhóm (TCTD lành mạnh; TCTD thiếu thanh khoản tạm thời và TCTD yếu kém) để có biện pháp xử lý thích hợp.

TCTD cần có phương án cơ cấu lại phù hợp với mức độ rủi ro, yếu kém và điều kiện cụ thể của TCTD. Nội dung cơ cấu lại các TCTD yếu kém bao gồm: (1) Lành mạnh hóa về tài chính; (2) Cơ cấu lại hoạt động; (3) Cơ cấu lại hệ thống quản trị; (4) Cơ cấu lại pháp nhân và sở hữu.

2. Giải pháp cơ cấu lại các TCTD lành mạnh

- TCTD xây dựng và triển khai phương án tự củng cố, chấn chỉnh hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh theo các giải pháp nêu tại Khoản 5 Mục II Phần B để phát triển nhanh về quy mô, hoạt động, tài chính và có trình độ quản trị, công nghệ tiên tiến.

- Khuyến khích và tạo điều kiện các TCTD sáp nhập, hợp nhất, mua lại theo nguyên tắc tự nguyện để tăng quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh.

- Mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động; tích cực gia nhập các thị trường tài chính trong khu vực và trên thế giới.

- Tham gia xử lý các TCTD yếu kém và thiếu hụt thanh khoản: Cho vay hỗ trợ thanh khoản đối với các TCTD yếu kém và mất khả năng chi trả tạm thời; mua lại, sáp nhập TCTD yếu kém.

3. Giải pháp cơ cấu lại các TCTD thiếu thanh khoản tạm thời

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn đối với TCTD thiếu hụt thanh khoản tạm thời để bảo đảm khả năng chi trả của TCTD và có thể trở lại hoạt động bình thường.

- TCTD xây dựng và thực hiện Phương án phục hồi khả năng chi trả; TCTD phải hạn chế tăng trưởng tín dụng, tích cực huy động vốn để trả nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tăng khả năng chi trả.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giám sát chặt chẽ tình hình tài chính và hoạt động của TCTD được tái cấp vốn.

- TCTD phải thực hiện chấn chỉnh, củng cố tài chính, hoạt động và quản trị theo các giải pháp nêu tại Khoản 5 Mục II Phần B để bảo đảm an toàn và hiệu quả kinh doanh, trong đó bao gồm xử lý nợ xấu, cải thiện khả năng chi trả, giảm hệ số nợ và hệ số sử dụng vốn.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các TCTD thuộc nhóm này sáp nhập, hợp nhất với nhau và sáp nhập, hợp nhất với TCTD lành mạnh.

- Tùy theo tính chất, mức độ rủi ro, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng các biện pháp xử lý sau đây:

- + Hạn chế TCTD mở rộng phạm vi, quy mô và địa bàn hoạt động.

- + Bắt buộc TCTD phải thực hiện một hoặc một số tỷ lệ an toàn cao hơn mức quy định chung.

4. Giải pháp cơ cấu lại các TCTD yếu kém

- Bảo đảm khả năng chi trả của TCTD yếu kém

Tập trung hỗ trợ thanh khoản để bảo đảm khả năng chi trả của TCTD yếu kém thông qua các biện pháp sau đây:

- + Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn cho TCTD thiếu thanh khoản trên cơ sở hồ sơ tín dụng có chất lượng tốt với mức tối đa tương đương vốn điều lệ của TCTD được tái cấp vốn.

- + TCTD yếu kém phải chịu sự giám sát đặc biệt một cách chặt chẽ, toàn diện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản trị, điều hành, tài chính và hoạt động.

+ Ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần lành mạnh mua lại các tài sản và khoản nợ có chất lượng tốt của TCTD thiếu thanh khoản để thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn.

+ Đặt TCTD vào tình trạng kiểm soát đặc biệt khi cần thiết.

+ Hạn chế TCTD chia cổ tức, lợi nhuận; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển nhượng cổ phần, vốn góp và tài sản của TCTD; giảm dư nợ tín dụng và hạn chế mở rộng quy mô hoạt động.

+ Đình chỉ, tạm đình chỉ, miễn nhiệm chức vụ người quản lý, người điều hành của TCTD.

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt đối với TCTD yếu kém theo quy định của pháp luật.

- Sáp nhập, hợp nhất, mua lại TCTD yếu kém

Sau khi áp dụng các biện pháp bảo đảm khả năng chi trả, TCTD yếu kém được xử lý như sau:

+ TCTD yếu kém được sáp nhập, hợp nhất, mua lại trên cơ sở tự nguyện. Nếu không thể thực hiện một cách tự nguyện, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ áp dụng các biện pháp sáp nhập, hợp nhất, mua lại trên cơ sở bắt buộc đối với TCTD yếu kém.

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu TCTD yếu kém phải chuyển nhượng vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần; cổ đông lớn, cổ đông nắm quyền kiểm soát, chi phối của TCTD yếu kém phải chuyển nhượng cổ phần.

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trực tiếp mua lại vốn điều lệ hoặc cổ phần của TCTD yếu kém để chấn chỉnh, củng cố, lành mạnh hóa một bước TCTD, sau đó sáp nhập, hợp nhất với tổ chức tín dụng khác hoặc bán lại cho các nhà đầu tư đủ điều kiện.

+ Xem xét, cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài mua lại, sáp nhập TCTD yếu kém của Việt Nam và tăng giới hạn sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng nước ngoài tại các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém được cơ cấu lại.

5. Cơ cấu lại tài chính, hoạt động và quản trị của TCTD

Các TCTD yếu kém và các TCTD khác phải triển khai một số hoặc tất cả các giải pháp dưới đây nhằm lành mạnh hóa tài chính, cơ cấu lại hoạt động và hệ thống quản trị, điều hành.

a) Cơ cấu lại tài chính

- Xử lý nợ xấu thông qua các biện pháp sau đây:

+ Tiến hành đánh giá lại chất lượng tài sản, khả năng thu hồi và giá trị của nợ xấu.

+ Bán nợ xấu có tài sản bảo đảm cho Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng doanh nghiệp (DATC) của Bộ Tài chính.

+ Bán nợ xấu cho các doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng, công ty mua bán nợ tư nhân và công ty mua bán nợ của các ngân hàng thương mại;

+ Xóa nợ bằng nguồn dự phòng rủi ro; xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ;

+ Chuyển nợ thành vốn góp, cổ phần của doanh nghiệp vay;

+ Các khoản nợ xấu phát sinh không có tài sản bảo đảm, không có khả năng thu hồi do thực hiện cho vay theo chỉ đạo hoặc chủ trương, chính sách của Chính phủ sẽ được Chính phủ xóa nợ bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

+ Đối với một số loại công trình, bất động sản thế chấp vay ngân hàng sắp hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng chưa bán được, Chính phủ xem xét mua lại các bất động sản đó để phục vụ cho mục đích an sinh xã hội và hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Tăng quy mô và chất lượng vốn tự có của TCTD: Bảo đảm mức vốn tự có không thấp hơn mức theo quy định của pháp luật và đáp ứng đầy đủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật thông qua:

+ Tăng vốn điều lệ: (i) Phát hành cổ phiếu bổ sung, tăng vốn góp từ các cổ đông, thành viên góp vốn hiện hành và các nhà đầu tư trong nước, ngoài nước; (ii) Chuyển nợ thành vốn góp, cổ phần của TCTD được cơ cấu lại;

+ TCTD phải đạt mức vốn tự có đủ để bù đắp rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp theo quy định của Basel II đến cuối năm 2015.

b) Cơ cấu lại hoạt động

Cùng với việc làm sạch và cơ cấu lại bảng cân đối kế toán theo hướng lành mạnh, TCTD phải triển khai các giải pháp củng cố, chấn chỉnh lại hoạt động:

- Tập trung củng cố, phát triển các hoạt động kinh doanh chính và loại bỏ các lĩnh vực kinh doanh rủi ro, kém hiệu quả.

- Tập trung tín dụng ngân hàng vào các ngành, lĩnh vực thuộc 3 khâu đột phá chiến lược trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và ưu tiên vốn tín dụng cho sản xuất, phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ, sản xuất - chế biến, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Từng bước chuyển dịch mô hình kinh doanh của các ngân hàng thương mại theo hướng giảm bớt sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng và tăng nguồn thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng.

- Đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng, trong đó tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại (dịch vụ thanh toán, ngoại hối, đầu tư, quản lý tài sản, quản lý rủi ro cho khách hàng,...).

- Phát triển nhanh dịch vụ thanh toán một cách an toàn, hiệu quả, đặc biệt là các sản phẩm, dịch vụ thẻ thanh toán trên cơ sở đẩy mạnh hiện đại hóa công nghệ, hệ thống thanh toán và tăng các tiện ích thẻ thanh toán, điểm chấp nhận thẻ.

- Mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động ngân hàng ở khu vực nông thôn; phát triển mạng lưới chi nhánh, điểm giao dịch tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; giảm các chi nhánh, điểm giao dịch hoạt động kém hiệu quả;

- Nâng cao tính ổn định và bền vững khả năng chi trả của các TCTD: Tăng mức độ ổn định nguồn vốn theo hướng tăng tỷ trọng nguồn huy động có kỳ hạn dài; cải thiện sự cân đối, hợp lý về kỳ hạn và đồng tiền giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; từng bước giảm tỷ lệ dư nợ tín dụng so với huy động vốn và đến cuối năm 2015 đạt mức bình quân toàn hệ thống không quá 85%.

c) Cơ cấu lại hệ thống quản trị

Củng cố và đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp hơn các thông lệ chuẩn mực quốc tế, trong đó bao gồm các giải pháp:

- Tăng tính minh bạch hóa hoạt động ngân hàng thông qua việc áp dụng cơ chế mới về công bố thông tin của các TCTD.

- Niêm yết cổ phiếu các ngân hàng thương mại cổ phần trên thị trường chứng khoán.

- Tăng tính đại chúng của ngân hàng thương mại cổ phần và tăng số lượng các nhà đầu tư, cổ đông trong các đợt tăng vốn điều lệ.

- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước là cổ đông hoặc có vốn góp tại các TCTD phải có kế hoạch hợp lý thoái vốn đầu tư và chấm dứt kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng.

- Hạn chế sự chi phối, thao túng của cổ đông lớn đối với ngân hàng thương mại cổ phần; kiên quyết xử lý đối với các cổ đông lớn, người có liên quan vi phạm quy định về giới hạn sở hữu cổ phần tại ngân hàng thương mại cổ phần và các TCTD sở hữu vốn chéo lẫn nhau. Cổ đông, nhà đầu tư, tổ chức tín dụng vi phạm quy định về góp vốn, mua, sở hữu vốn, cổ phần phải được xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức tín dụng mua lại cổ

phiếu, vốn góp của tổ chức tín dụng cơ cấu lại theo chỉ định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dẫn đến vượt quá giới hạn quy định sẽ được xử lý trong thời hạn chậm nhất là 5 năm kể từ khi thực hiện.

- Nâng cao các điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản trị, kinh nghiệm công tác và trình độ chuyên môn đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý chủ chốt của các TCTD (Chủ tịch hội đồng quản trị/hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc/Giám đốc, Thành viên hội đồng quản trị/hội đồng thành viên,...).

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh mới.

- Triển khai các quy trình, chính sách kinh doanh nội bộ lành mạnh; Áp dụng có hiệu quả các phương thức quản trị, điều hành tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế và quy định của pháp luật.

- Phát triển các hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của Ủy ban Basel, trong đó tập trung vào các hệ thống quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường (giá cả, lãi suất, tỷ giá) và rủi ro tác nghiệp; phát triển các hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro phù hợp với thông lệ quốc tế và mức độ rủi ro tín dụng; nâng cao năng lực đánh giá, thẩm định tín dụng và quản lý, giám sát rủi ro tín dụng của TCTD.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ.

- Cơ cấu, sắp xếp lại các bộ phận chức năng kinh doanh, quản trị, điều hành; sắp xếp, bố trí hợp lý cán bộ và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và kinh doanh ngân hàng có trình độ cao, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp tốt.

- Hiện đại hóa hệ thống công nghệ; Phát triển hệ thống thông tin quản lý nội bộ, hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống thanh toán nội bộ của các ngân hàng thương mại; Nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi phù hợp với quy mô, mức độ phức tạp hoạt động và yêu cầu quản trị, điều hành của TCTD.

- Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính thua lỗ kéo dài, có nguy cơ mất an toàn, vi phạm nghiêm trọng các quy định an toàn hoạt động ngân hàng hoặc không có khả năng phục hồi hoạt động bình thường sau khi đã áp dụng các biện pháp phục hồi, chấn chỉnh sẽ được giải thể hoặc mua lại, sáp nhập bắt buộc theo quy định của pháp luật.

- + Đối với các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp phi ngân hàng, chủ sở hữu chịu trách nhiệm thực hiện cơ cấu lại, kể cả giải thể, thu hồi giấy phép hoạt động theo phương án được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.

+ Đối với các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính trực thuộc các ngân hàng thương mại phải được cơ cấu lại cùng với ngân hàng mẹ, bao gồm cả giải thể, sáp nhập (khi cần thiết) để bảo đảm sự phát triển an toàn, hiệu quả của ngân hàng mẹ.

III. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CÙNG CỘ, PHÁT TRIỂN CÁC QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

1. Định hướng

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quỹ tín dụng nhân dân 2 cấp hiện nay gắn liền với tăng cường các thiết chế an toàn hoạt động và tạo điều kiện thuận lợi cho quỹ tín dụng nhân dân phát triển. Đẩy mạnh chấn chỉnh, củng cố và nâng cao mức độ an toàn, hiệu quả các quỹ tín dụng nhân dân hiện có đi đôi với tiếp tục mở rộng vững chắc các quỹ tín dụng nhân dân mới ở khu vực nông thôn; Bảo đảm quỹ tín dụng nhân dân tuân thủ đúng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Hợp tác xã; tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cùng có lợi, hợp tác và phát triển cộng đồng hướng tới mục tiêu chủ yếu tương trợ giữa các thành viên của quỹ tín dụng nhân dân để góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông thôn và hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi.

- Xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô an toàn, bền vững, hướng tới phục vụ người nghèo, người có thu nhập thấp, các doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

2. Giải pháp

a) Đối với Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương:

- Chuyển đổi Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương sang hoạt động theo mô hình ngân hàng hợp tác xã. Phát triển Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương đủ mạnh về quy mô, năng lực tài chính, trình độ quản trị, công nghệ để thực sự đóng vai trò làm đầu mối điều hòa, cân đối vốn trong hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và có khả năng chăm sóc, hỗ trợ có hiệu quả cho các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở về chuyên môn nghiệp vụ, vốn và tài chính.

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới chi nhánh của Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương đến các địa phương có nhiều quỹ tín dụng nhân dân cơ sở để tăng khả năng tiếp cận, hỗ trợ và chăm sóc các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

- Đổi mới và hoàn thiện mô hình điều hòa vốn trong hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân.

- Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương tập trung nguồn vốn để ưu tiên cho vay đối với các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân cơ sở:

- Nghiên cứu cơ cấu lại các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo mô hình bao gồm: Quỹ tín dụng nhân dân cộng đồng và quỹ tín dụng nhân dân ngành nghề để tăng cường tính liên kết hệ thống, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Đối với các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hiện nay đang hoạt động bình thường: Cần tiếp tục phát triển về quy mô và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động mà trọng tâm là chất lượng tín dụng, năng lực quản trị, điều hành, an toàn thanh khoản và tuân thủ đúng pháp luật.

- Đối với quỹ tín dụng nhân dân cơ sở yếu kém: Áp dụng các biện pháp củng cố, chấn chỉnh và xử lý sau đây:

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương, Quỹ đảm bảo an toàn hệ thống cho vay quỹ tín dụng nhân dân cơ sở để xử lý khó khăn thanh khoản;

+ Xử lý nợ xấu;

+ Xử lý dứt điểm các yếu kém, vi phạm pháp luật;

+ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở yếu kém hoạt động thua lỗ kéo dài, mất khả năng chi trả không thể hoạt động an toàn, hiệu quả sau khi đã áp dụng các biện pháp chấn chỉnh, củng cố sẽ được thu hồi giấy phép, giải thể, thanh lý tài sản và người gửi tiền sẽ được Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam chi trả theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Phát triển các dịch vụ ngân hàng của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phù hợp với năng lực quản trị của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Tập trung cho vay vốn đối với các thành viên của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và người nghèo. Mở rộng tín dụng đi đôi với việc tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng. Đa dạng hóa các phương thức huy động vốn của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở ở trong và ngoài địa bàn, nhất là các khoản tiền gửi nhỏ.

- Từng bước nâng cao năng lực tài chính của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo hướng tăng vốn điều lệ, thu hút thêm thành viên mới trên cơ sở gắn kết giữa mở rộng nguồn vốn với hỗ trợ cho vay thành viên.

- Nâng cao năng lực quản trị, điều hành của các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, đặc biệt là hệ thống kiểm soát nội bộ, chuẩn hóa hệ thống các quy trình nghiệp vụ, kế toán. Bảo đảm người quản lý, điều hành của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực, trình độ theo quy định của pháp luật. Hạn chế sự chi phối về vốn điều lệ và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bởi một số ít thành viên.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp: (i) Tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và xử lý những tồn tại, yếu kém của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, đặc biệt trong việc thanh lý quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị giải thể; (ii) Tiếp tục đẩy mạnh mở rộng quỹ tín dụng nhân dân cơ sở ở các địa bàn có nhu cầu trên nguyên tắc bảo đảm an toàn, hiệu quả, trong đó ưu tiên thành lập quỹ tín dụng nhân dân ở nơi chưa có hoặc thiếu quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; (iii) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về quỹ tín dụng nhân dân; (iv) Tăng cường tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và người gửi tiền ổn định tâm lý, yên tâm gửi tiền tại quỹ tín dụng nhân dân.

- Tăng cường tính liên kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa các quỹ tín dụng nhân dân trên cơ sở sự thống nhất về mục tiêu, nguyên tắc hoạt động và lợi ích. Hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của tổ chức liên kết. Rà soát, tổng kết việc thí điểm triển khai các Quỹ đảm bảo an toàn hệ thống tại một số địa phương để hoàn thiện mô hình Quỹ đảm bảo an toàn hệ thống. Nguồn vốn của Quỹ đảm bảo an toàn hệ thống chủ yếu do các quỹ tín dụng nhân dân đóng góp. Tăng quy mô Quỹ đảm bảo an toàn hệ thống đủ lớn để thực sự có khả năng hỗ trợ xử lý những khó khăn tạm thời về thanh khoản và tài chính cho các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

- Thành lập tổ chức kiểm toán đối với các quỹ tín dụng nhân dân.

- Phạm vi hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở tiếp tục được giới hạn trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi đặt trụ sở quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

- Từng bước nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin của các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Bảo đảm 100% quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu an toàn hoạt động và được lắp đặt internet, fax.

- Tập trung nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ của cán bộ quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng đến năm 2015 dành cho cán bộ của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

- Nhà nước tiếp tục có chính sách ưu đãi dành cho các quỹ tín dụng nhân dân về: Miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; hỗ trợ vốn từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc vốn vay, viện trợ nước ngoài; bố trí hợp lý mặt bằng, địa điểm hoạt động. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đầu mối phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương vận động, thu hút nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ cho quỹ tín dụng nhân dân.

- Rà soát, hoàn thiện các chính sách quản lý, quy định về an toàn hoạt động, quản trị, điều hành và cấp, thu hồi giấy phép, giải thể, thanh lý đối với quỹ tín dụng nhân dân. Sửa đổi quy định về mức vốn điều lệ tối thiểu phù hợp hơn với thực tiễn hoạt động và yêu cầu bảo đảm an toàn của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

- Tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 57/CT-TW ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Bộ Chính trị về củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Quyết định số 135/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

c) Giải pháp phát triển tổ chức tài chính vi mô

Triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2195/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2011.

IV. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG NƯỚC NGOÀI

1. Định hướng

Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam và cạnh tranh bình đẳng với các tổ chức tín dụng Việt Nam. Khuyến khích các tổ chức tín dụng nước ngoài hợp tác kinh doanh chặt chẽ với tổ chức tín dụng Việt Nam, đặc biệt trong việc xử lý những vấn đề khó khăn của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Tăng cường hợp tác, liên kết các tổ chức tín dụng nước ngoài với các tổ chức tín dụng Việt Nam trong phát triển sản phẩm, đổi mới quản trị và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng.

2. Giải pháp

Một số giải pháp chủ yếu cơ cấu lại các tổ chức tín dụng nước ngoài bao gồm:

- Việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại giữa các tổ chức tín dụng nước ngoài với nhau và giữa tổ chức tín dụng nước ngoài với tổ chức tín dụng Việt Nam thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện và theo quy định của pháp luật hiện hành; khuyến khích các tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua lại, sáp nhập, hợp nhất với các tổ chức tín dụng trong nước yếu kém phải cơ cấu lại.

- Nâng cao trách nhiệm của tổ chức tín dụng mẹ ở nước ngoài trong việc bảo đảm an toàn hoạt động của các đơn vị trực thuộc tại Việt Nam; tổ chức tín dụng mẹ ở nước ngoài bảo đảm khả năng chi trả và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính của các đơn vị trực thuộc tại Việt Nam.

- Xem xét, tăng giới hạn sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng nước ngoài tại các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém được cơ cấu lại.

- Quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động của các tổ chức tín dụng nước ngoài trong các giao dịch quốc tế, cung cấp dịch vụ ngân hàng mới ở Việt Nam để tránh sự thao túng của tổ chức tín dụng nước ngoài và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

V. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ CƠ CẤU LẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

- Xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2020.

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp lý về hoạt động ngân hàng, bao gồm:

+ Ban hành chuẩn mực an toàn vốn phù hợp với Basel II;

+ Đổi mới, hoàn thiện các quy định an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, đặc biệt là các tỷ lệ về khả năng chi trả để hạn chế và kiểm soát có hiệu quả các rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về cấp tín dụng, phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro theo hướng chặt chẽ và phù hợp hơn với thông lệ quốc tế;

+ Quy định về công bố thông tin của các tổ chức tín dụng phù hợp với thực tiễn Việt Nam và các nguyên tắc của Ủy ban Basel;

+ Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm tiền gửi và Luật Phòng, chống rửa tiền;

+ Hoàn thiện các quy định về cấp phép thành lập tổ chức tín dụng, mở và chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, điểm giao dịch của tổ chức tín dụng;

+ Ban hành các nguyên tắc, chuẩn mực quản trị rủi ro đối với các tổ chức tín dụng;

+ Sửa đổi, bổ sung hệ thống kế toán của các tổ chức tín dụng phù hợp hơn với chuẩn mực kế toán quốc tế;

+ Hoàn thiện các chính sách và quy định về thanh toán qua ngân hàng và thanh toán dùng tiền mặt; triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 2459/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả thanh tra, giám sát ngân hàng: Hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. Thực hiện thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro và giám sát tổng hợp tổ chức tín dụng; phát triển hệ thống giám sát theo tiêu chuẩn CAMELS,

hệ thống đánh giá rủi ro đối với tổ chức tín dụng và cảnh báo sớm trong hoạt động ngân hàng. Tập trung nâng cao chất lượng, trình độ của đội ngũ cán bộ thanh tra, giám sát ngân hàng.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng sáp nhập, hợp nhất, mua lại thông qua tìm kiếm, giới thiệu đối tác, cung cấp thông tin cho các tổ chức tín dụng có nhu cầu tham gia, hỗ trợ về kỹ thuật, pháp lý và thủ tục.

- Điều hành chủ động, linh hoạt, có hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ, tỷ giá, lãi suất theo nguyên tắc thị trường để bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng, giảm thiểu rủi ro cho nền kinh tế, đồng thời góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

- Tổ chức, quản lý có hiệu quả thị trường vàng và thị trường tiền tệ, đồng thời tạo điều kiện cho thị trường tiền tệ thứ cấp, thị trường phái sinh phát triển lành mạnh và an toàn. Xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt Đề án chống đô la hóa trong nền kinh tế.

- Tiếp tục hiện đại hóa và phát triển đồng bộ hệ thống công nghệ ngân hàng, đặc biệt là hệ thống thông tin quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hệ thống thanh toán ngân hàng phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của các hệ thống thanh toán trọng yếu của Ngân hàng Thanh toán quốc tế.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, truyền truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ về cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng nhằm tạo ổn định tâm lý và sự đồng thuận trong xã hội.

- Xử lý nghiêm các sai phạm trong quản trị, điều hành và vi phạm pháp luật của các tổ chức tín dụng.

C. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

I. NĂM 2011 - 2012:

- Đánh giá, xác định thực trạng hoạt động, chất lượng tài sản và nợ xấu của các tổ chức tín dụng;

- Tiến hành đánh giá và phân loại tổ chức tín dụng;

- Xây dựng và triển khai phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém và tổ chức tín dụng khác;

- Tập trung hỗ trợ thanh khoản để bảo đảm khả năng chi trả của các tổ chức tín dụng;

- Hoàn thành căn bản phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng của các ngân hàng thương mại nhà nước (trừ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam);

- Triển khai sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng;
- Tăng vốn điều lệ và xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng;
- Cơ cấu lại hoạt động và hệ thống quản trị.

Kết quả dự kiến: Khả năng chi trả của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng về cơ bản được bảo đảm, đồng thời xác định, kiểm soát được tình hình của tổ chức tín dụng yếu kém để làm cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp cơ cấu lại ở giai đoạn sau.

II. NĂM 2013:

- Hoàn thành sửa đổi, bổ sung các quy định an toàn hoạt động ngân hàng;
- Tiếp tục triển khai lành mạnh hóa tài chính của các tổ chức tín dụng, bao gồm xử lý nợ xấu và tăng vốn điều lệ;
- Triển khai cơ cấu lại hoạt động và quản trị;
- Hoàn thành căn bản cơ cấu lại sở hữu, pháp nhân của ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém;
- Hoàn thành cơ cấu lại các công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính.

Kết quả dự kiến: Nguy cơ đổ vỡ hệ thống các tổ chức tín dụng được loại bỏ. Các tổ chức tín dụng yếu kém được xử lý về cơ bản. Kỳ cương, kỷ luật trong lĩnh vực ngân hàng được lập lại và củng cố.

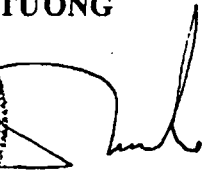
III. NĂM 2014:

- Hoàn thành căn bản cơ cấu lại tài chính của tổ chức tín dụng;
- Các tổ chức tín dụng đáp ứng đầy đủ mức vốn điều lệ thực và các chuẩn mực, giới hạn an toàn hoạt động ngân hàng theo quy định pháp luật;
- Tiếp tục triển khai cơ cấu lại hoạt động và quản trị;
- Tiếp tục sáp nhập, hợp nhất, mua lại theo nguyên tắc tự nguyện.

IV. NĂM 2015: Hoàn thành cơ cấu lại hoạt động và quản trị.

Kết quả dự kiến: Tài chính và hoạt động kinh doanh được củng cố, chấn chỉnh và lành mạnh hóa; hệ thống quản trị được cải thiện một bước quan trọng. Các tổ chức tín dụng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về vốn và tiêu chuẩn an toàn hoạt động ngân hàng.

Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp củng cố, chấn chỉnh và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng nêu trên, đến năm 2015 hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam được lành mạnh hóa một bước quan trọng về tài chính và hoạt động, giảm bớt số lượng tổ chức tín dụng nhỏ, yếu kém và hình thành một số ngân hàng thương mại có quy mô lớn hơn, có khả năng cạnh tranh mạnh hơn, đặc biệt tăng cường được quy mô và vị trí chi phối của các ngân hàng thương mại nhà nước trong hệ thống ngân hàng. Quá trình củng cố, chấn chỉnh, cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng được tiến hành với chi phí thấp nhất, loại trừ nguy cơ đổ vỡ ngân hàng ngoài tầm kiểm soát, bảo đảm giữ vững sự an toàn, ổn định của hệ thống, đồng thời không gây tác động tiêu cực đến sự ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh chính trị và trật tự xã hội./.

 **THỦ TƯỚNG**


Nguyễn Tấn Dũng